KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	25,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	15.3%	15.3%	3.2%

DT thuần — 2024: **4,647** tỷ VNĐ — YoY ▲ 508 ▲ 12.3%

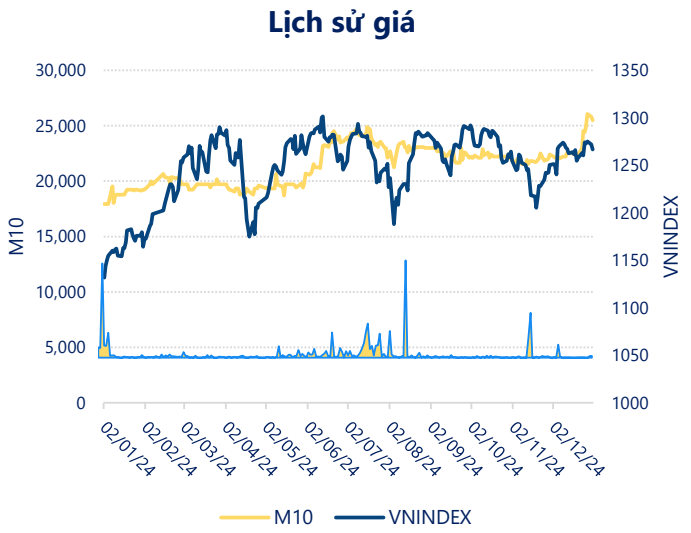
LN gộp — 2024: **554** tỷ VNĐ — YoY ▲ 117 ▲ 27.0%

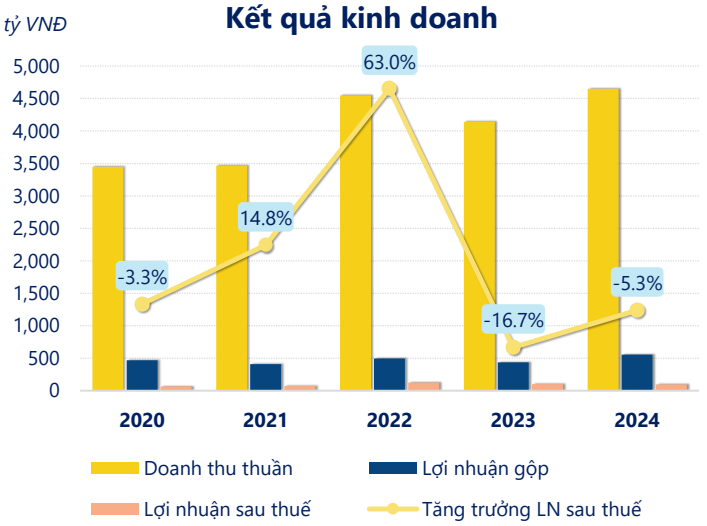
LN thuần — 2024: **142** tỷ VNĐ — YoY ▲ 22.0 ▲ 18.4%

LN sau thuế — 2024: **97.8** tỷ VNĐ — YoY ▼ 5.20 ▼ 5.3%

ROE — 2024: **17.7%** — +/- YoY ▼ 2.4%

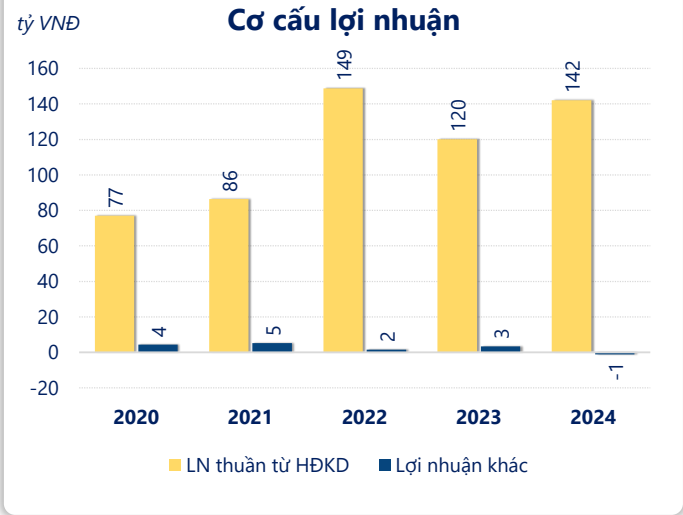
ROA — 2024: **4.0%** — +/- YoY ▼ 0.5%

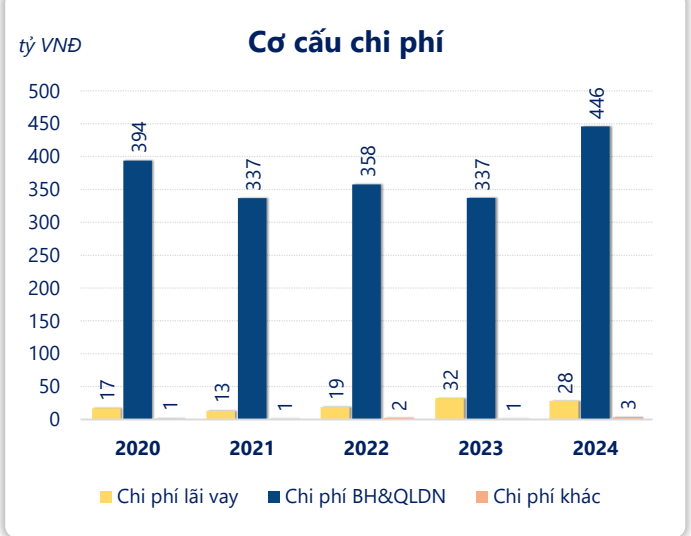




Kết quả kinh doanh **M10** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 12.3%** đạt **4,647** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt **97.79** tỷ đồng **giảm 5.25%**.

Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận sau thuế giảm, có thể do sự gia tăng của chi phí hoạt động hoặc giá vốn. Tuy nhiên, với **ROE** là **17.7%** thì công ty vẫn có mức sinh lợi ổn định và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

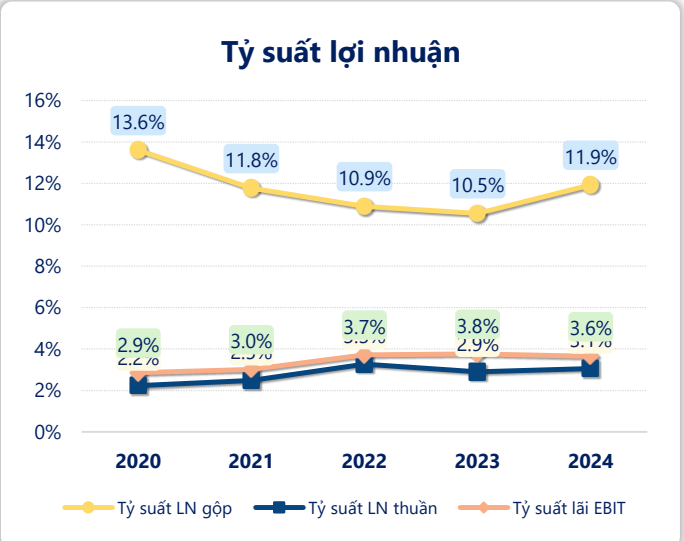


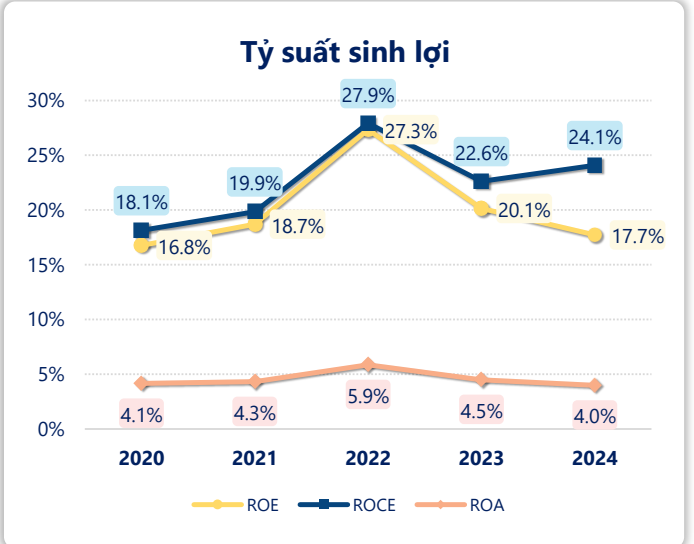


Năm **2024**, **M10** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **142.1** tỷ đồng, **tăng lên 22.12** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (114.8 tỷ đồng) là 27.31 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

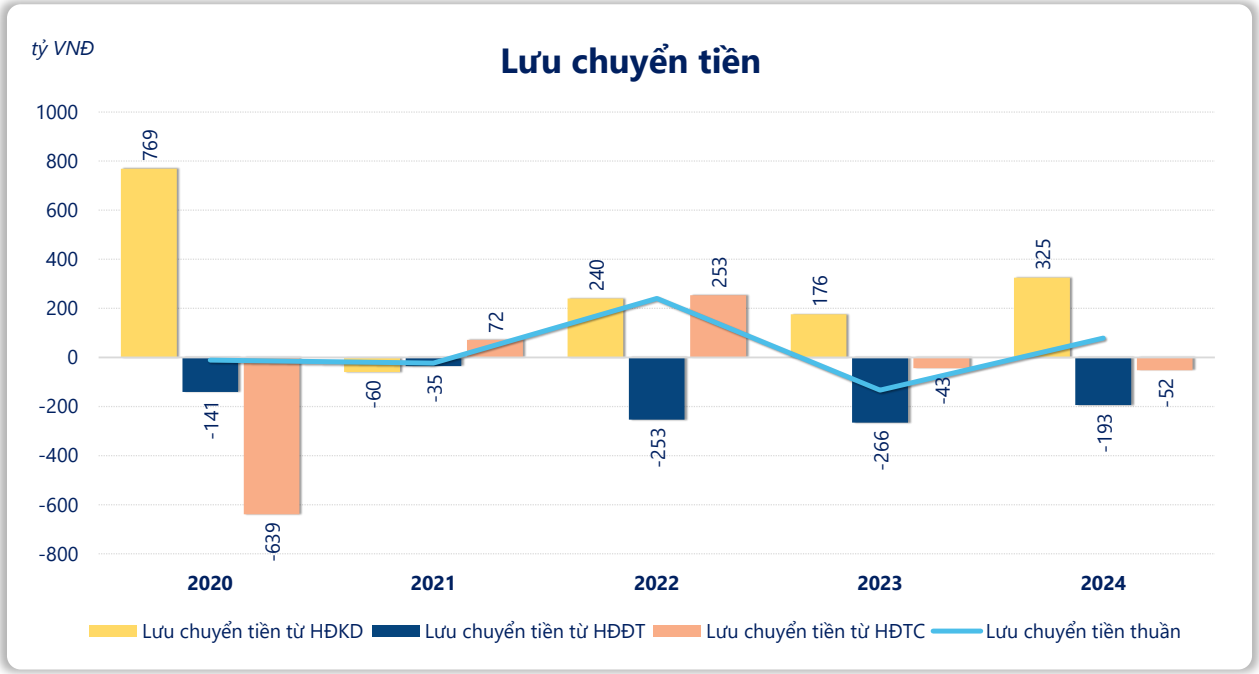
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **28.26** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **446.0** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **3.07** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của M10 năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **17.7%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**3,447**	**3,467**	**4,548**	**4,139**	**4,647**
Giá vốn hàng bán	2,978	3,059	4,053	3,702	4,092
Lợi nhuận gộp	**469**	**408**	**495**	**437**	**554**
Doanh thu HĐTC	32.7	44.2	120	114	121
Chi phí TC	30.5	29.1	110	93.6	87.0
Chi phí lãi vay	**17.1**	**13.2**	**19.1**	**32.4**	**28.3**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	179	153	158	159	193
Chi phí QLDN	215	184	199	178	253
LN thuần từ HĐKD	**76.9**	**86.3**	**149**	**120**	**142**
Lợi nhuận khác	4.43	5.26	1.52	3.42	-1.12
LN trước thuế	**81.4**	**91.6**	**150**	**123**	**141**
Lợi nhuận sau thuế	**66.2**	**76.0**	**124**	**103**	**97.8**
LNST của CĐ cty mẹ	**65.9**	**75.8**	**124**	**103**	**97.8**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của M10 bằng **79.02** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-133.2 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **324.6** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-193.5** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-52.14** tỷ đồng.